



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Container Miền Trung

Ngày 30/06/2025	14,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.2%	-0.9%	11.3%

DT thuần Q2/25
76.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.60 12.8%
YoY: ▲ 5.40 7.7%

LN thuần Q2/25
4.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.59 15.8%
YoY: ▲ 0.03 0.6%

LN sau thuế Q2/25
3.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27 9.1%
YoY: ▼ 0.13 -3.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
5.6%
YoY: +/- ▼ 0.1%

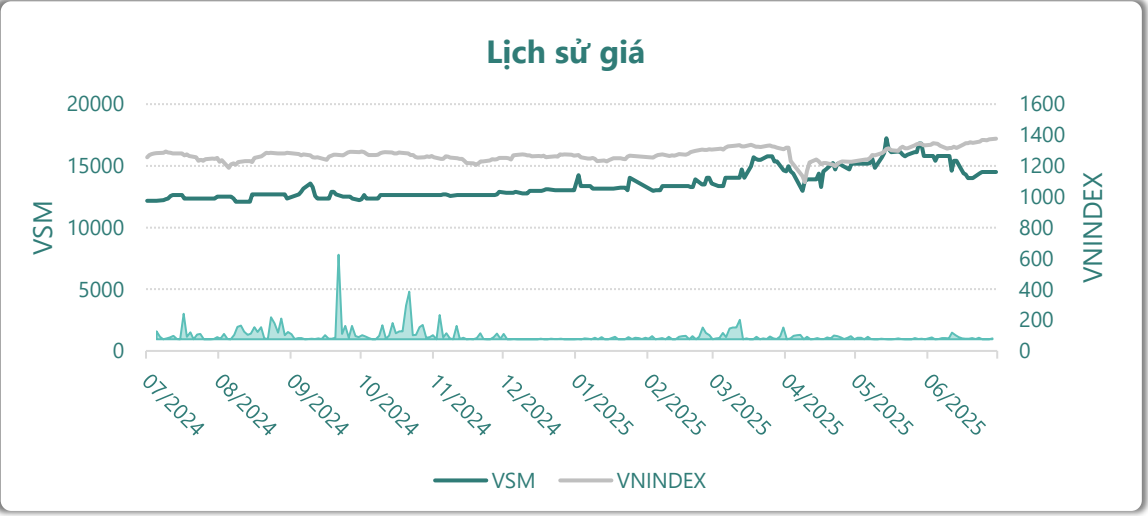
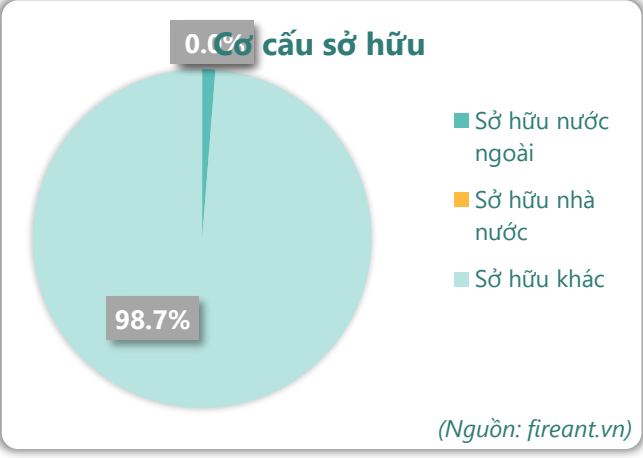
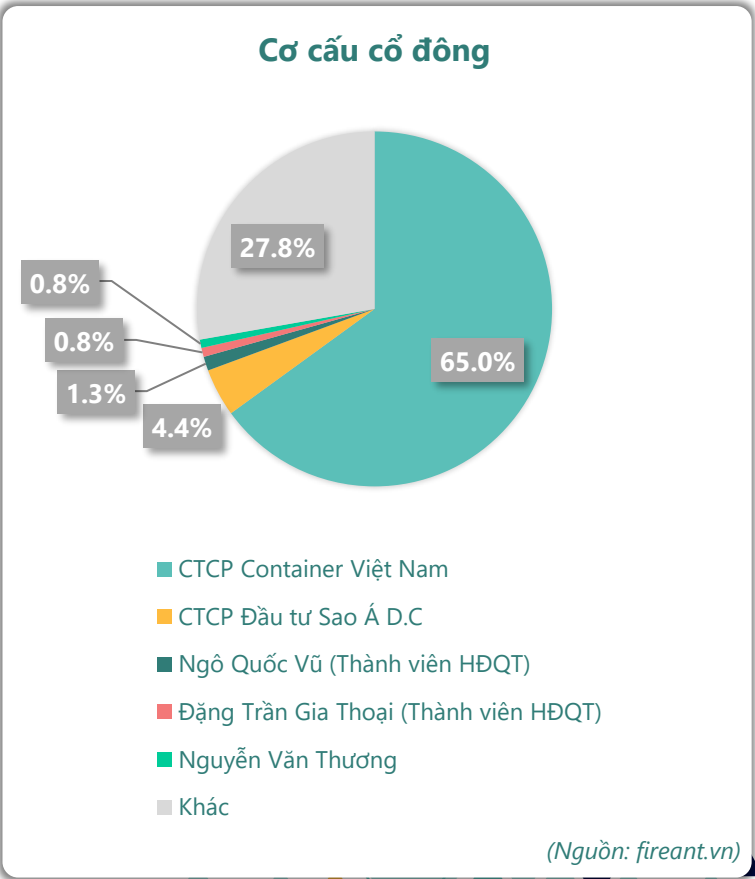
ROE (TTM) Q2/25
14.4%
YoY: +/- ▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,092 - 17,236
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	73
Số lượng CPLH (CP)	5,032,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,715
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.49
EPS	2,490
P/E	5.8

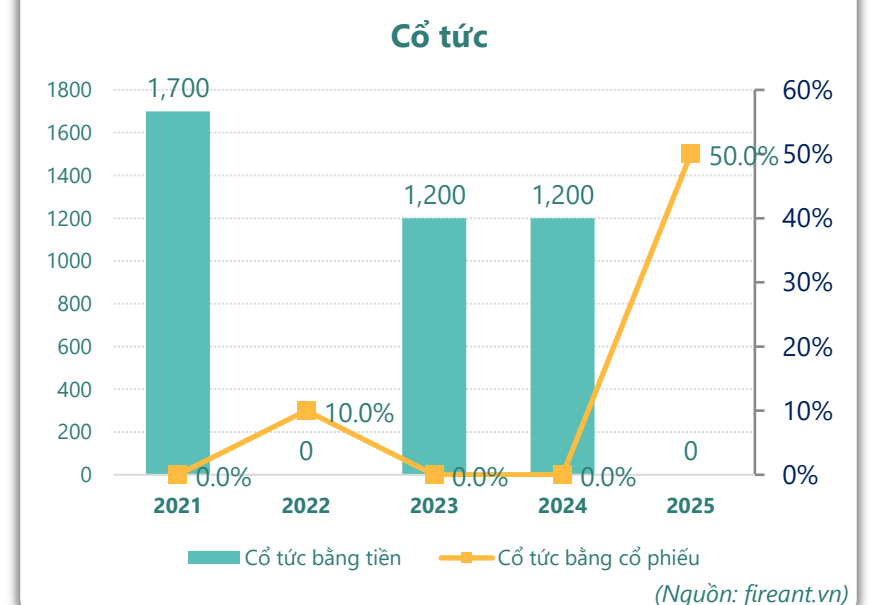
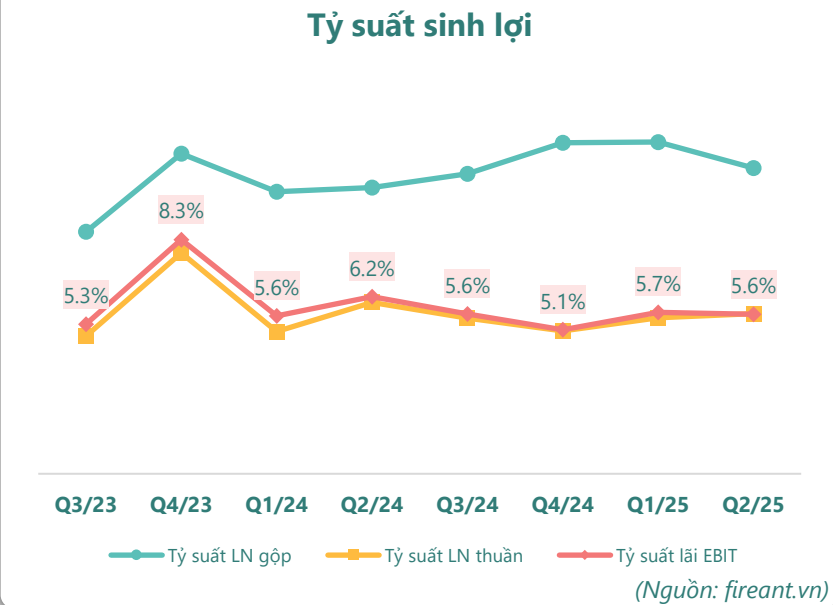
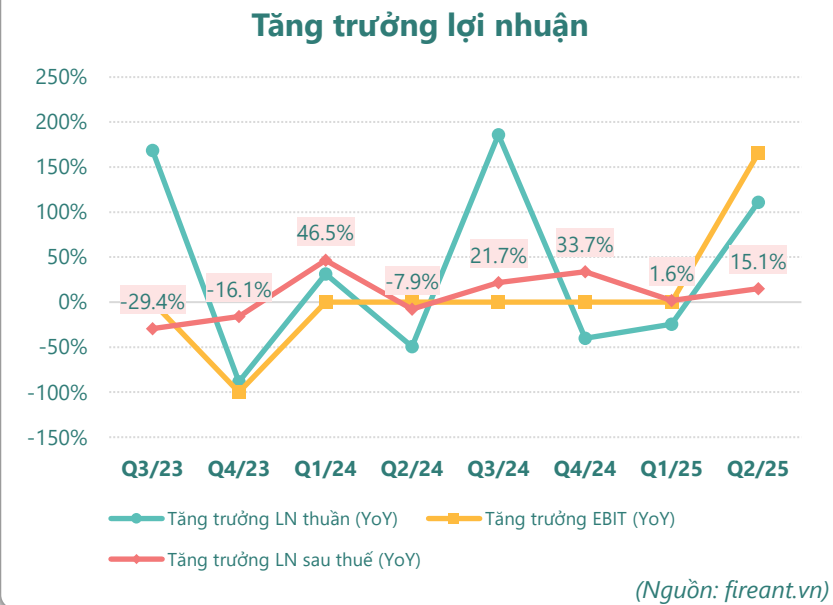
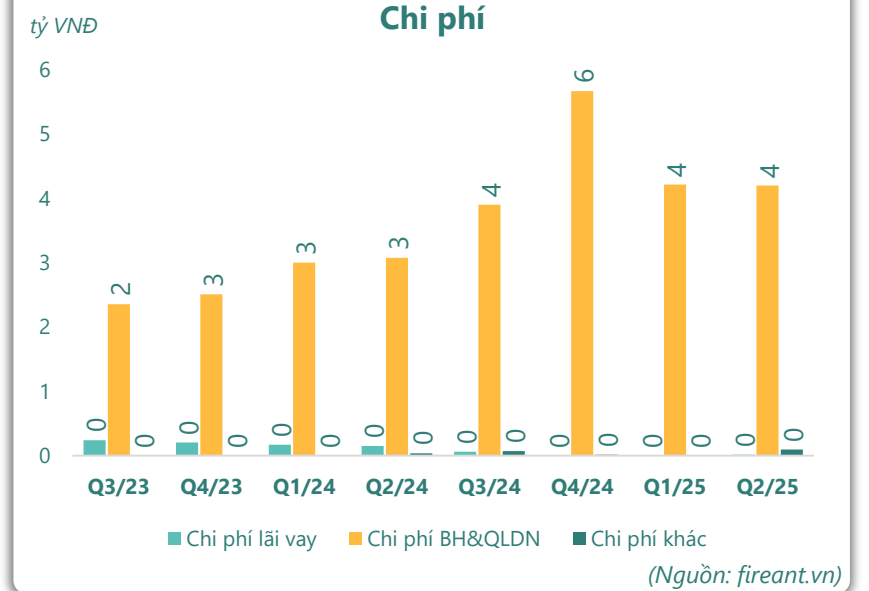
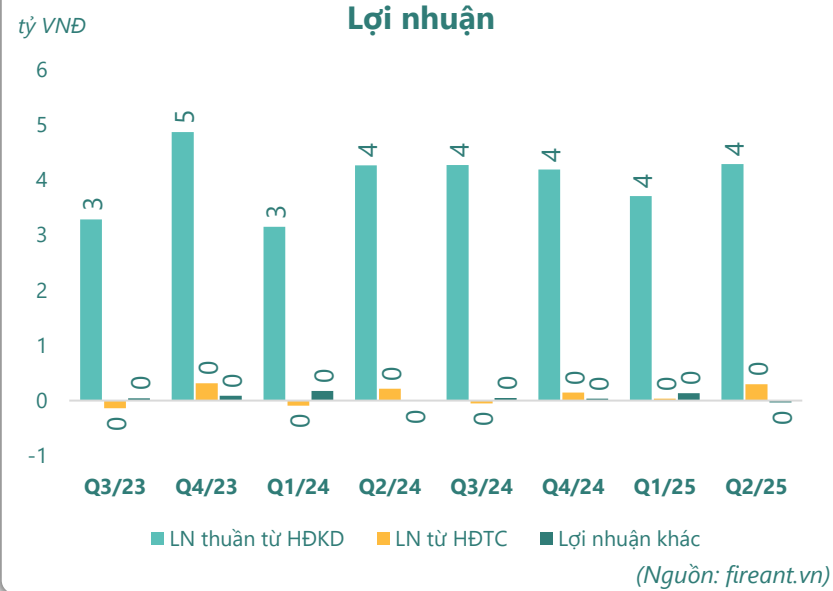
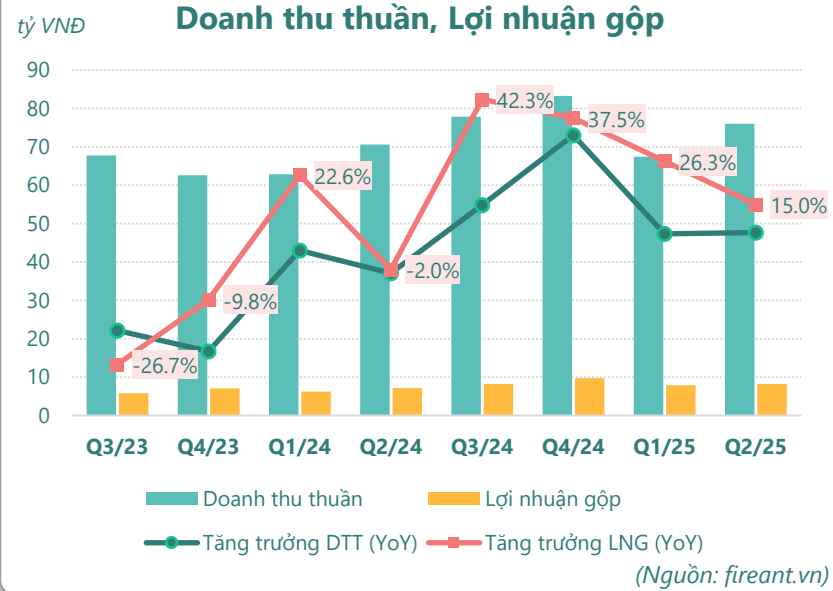
DT thuần 6T 2025
143
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0 7.5%

LN thuần 6T 2025
8.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.59 7.8%

LN sau thuế 6T 2025
6.32
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.38 6.3%



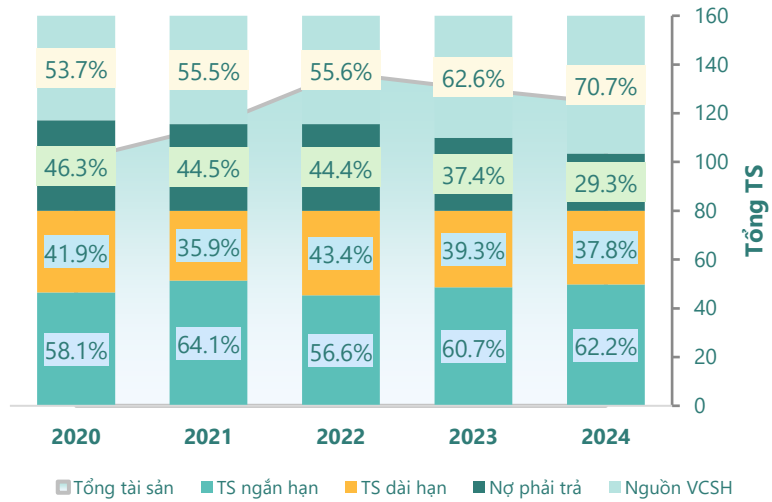
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

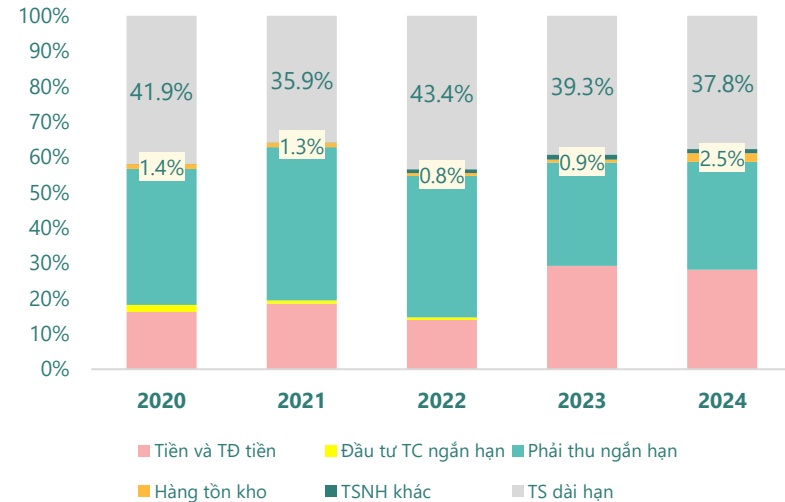
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

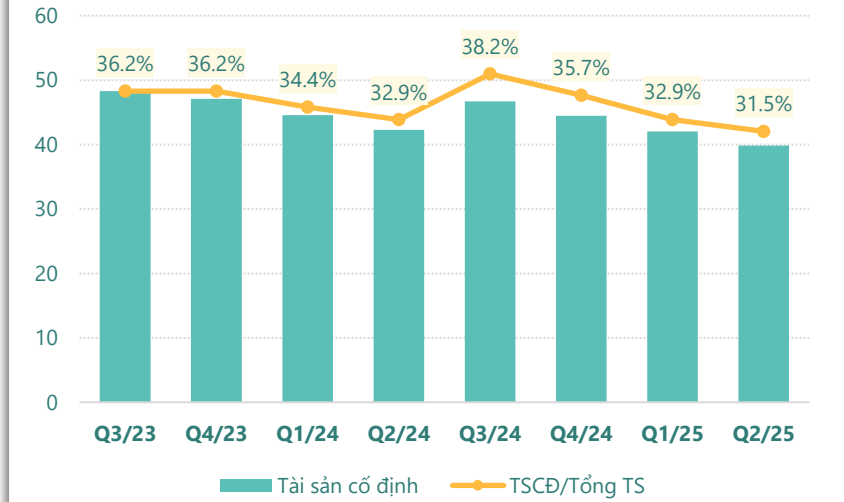
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

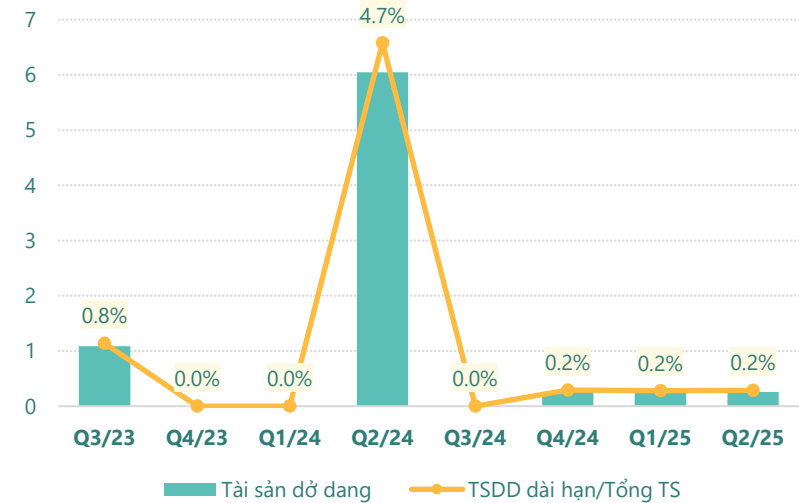
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

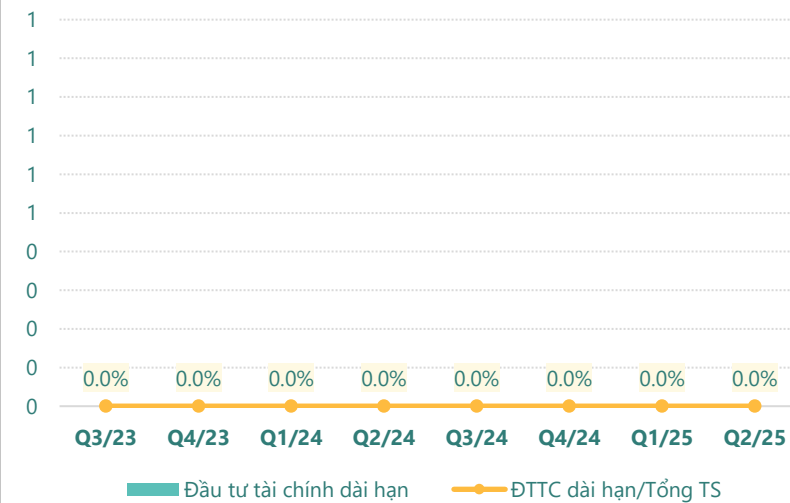
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

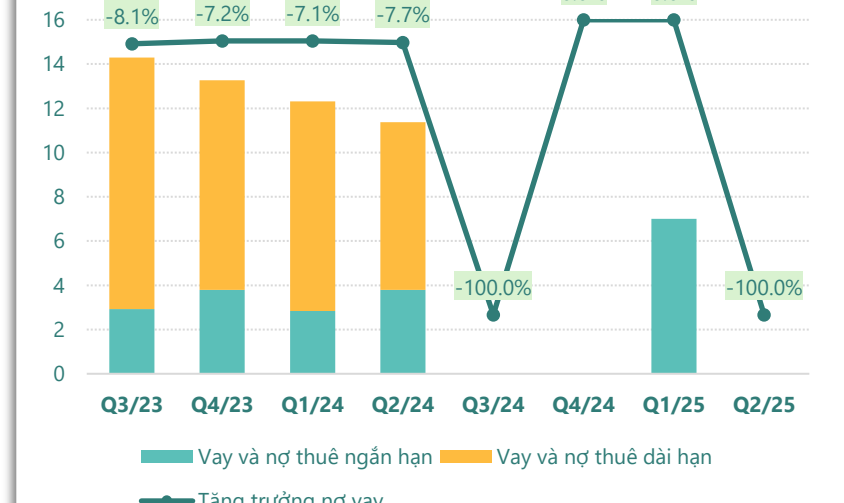
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

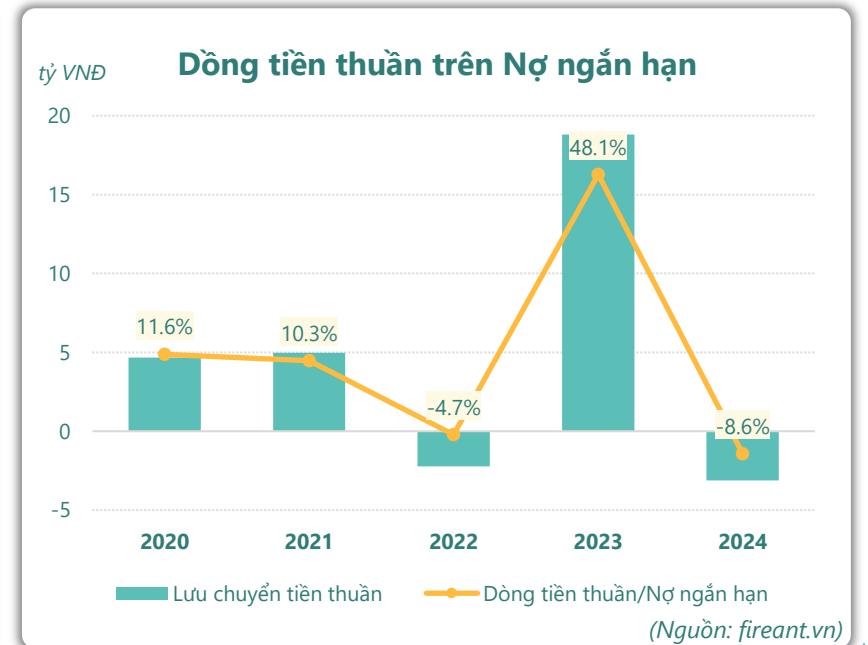
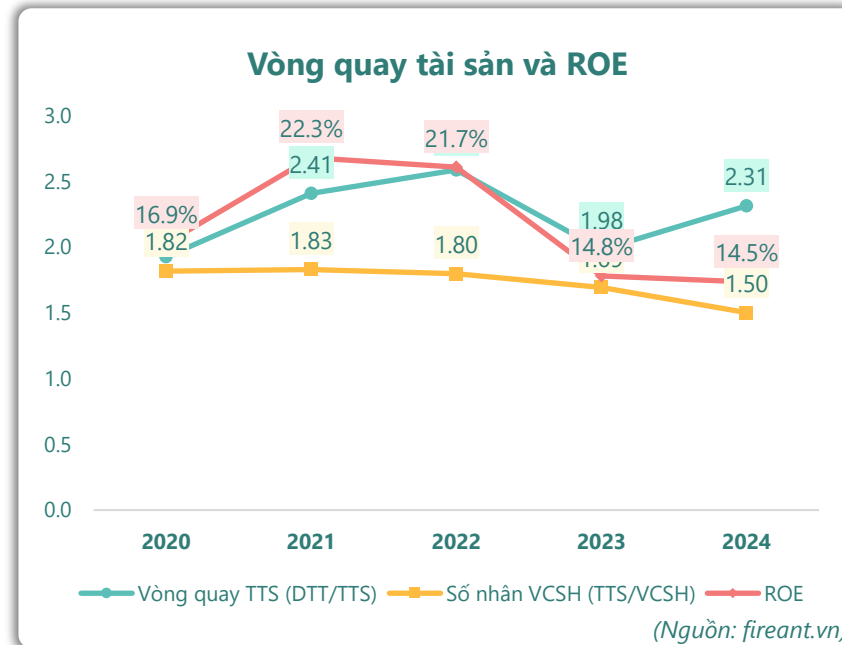
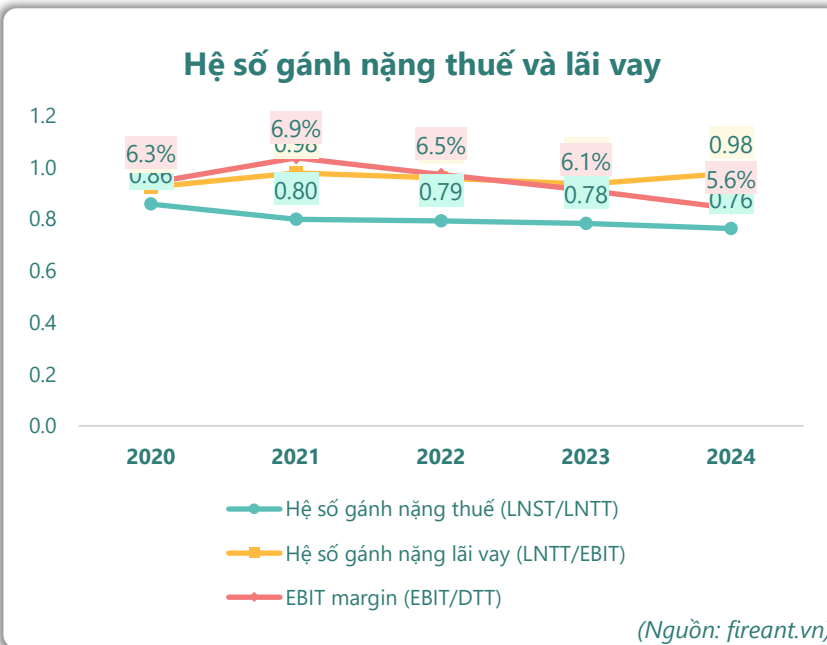
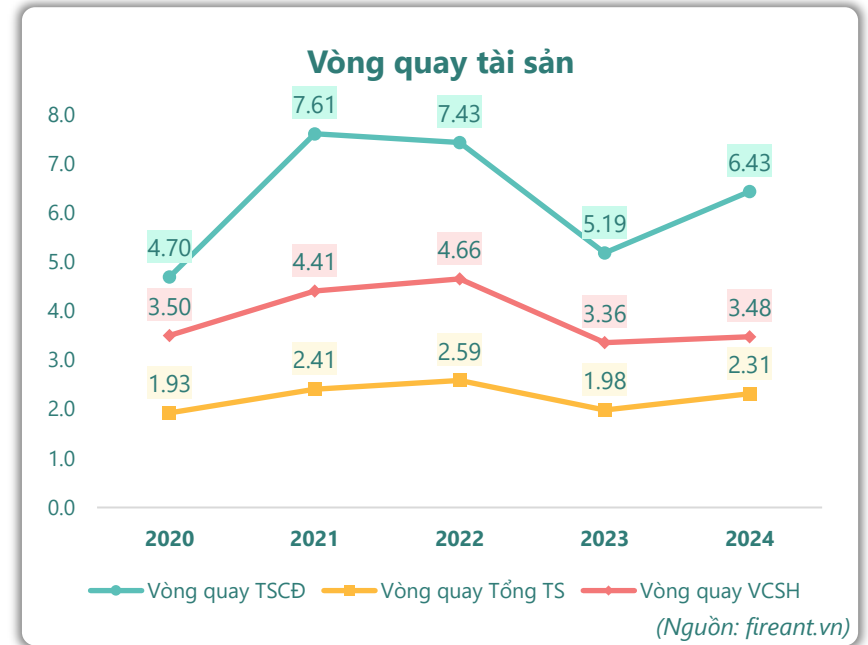
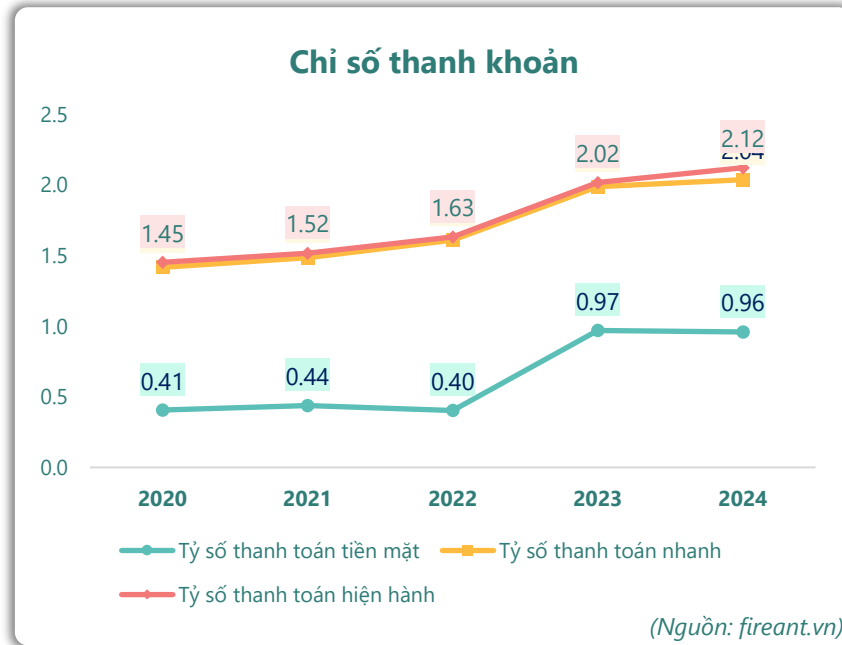
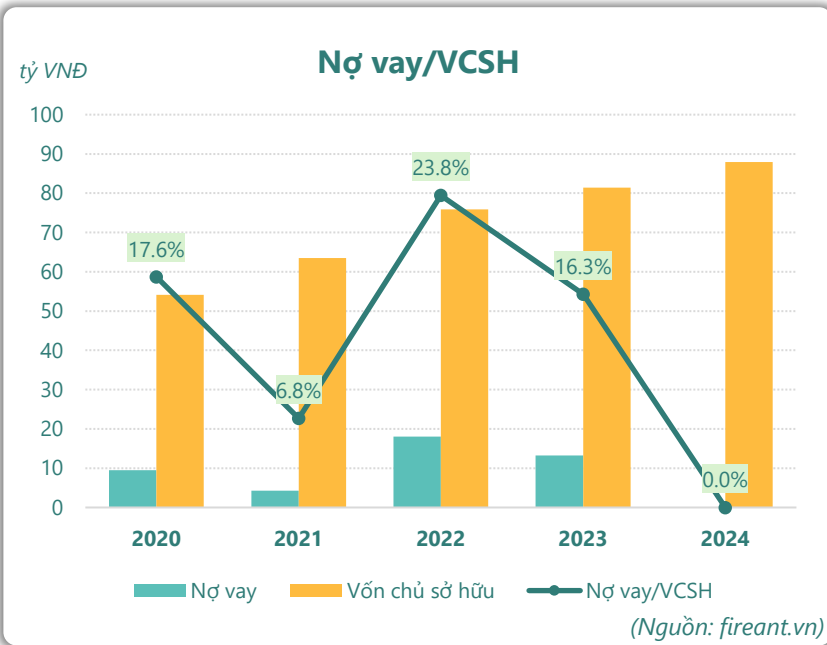
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	76.0	70.6	7.7%	143	133	7.5%
Giá vốn hàng bán	67.8	63.5	6.8%	127	120	6.1%
Lợi nhuận gộp	8.20	7.13	15.0%	16.1	13.4	20.3%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.37	-15.4%	0.37	0.45	-18.2%
Chi phí TC	0.02	0.15	-88.2%	0.04	0.32	-88.7%
Chi phí lãi vay	0.01	0.15	-90.8%	0.01	0.32	-95.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.31	0.49	166%	2.56	1.08	137%
Chi phí QLDN	2.90	2.59	11.8%	5.86	5.01	17.1%
LN thuần từ HĐKD	4.30	4.27	0.6%	8.01	7.42	7.8%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.01	-238%	0.10	0.17	-41.5%
LN trước thuế	4.26	4.26	0.0%	8.10	7.59	6.7%
Lợi nhuận sau thuế	3.29	3.42	-3.7%	6.32	5.94	6.3%
LNST của CĐ cty mẹ	3.22	3.35	-3.8%	6.16	5.88	4.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.27	-5.24	13.9	13.4	-16.5	6.38
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	-5.73	-0.50	-0.44	0.06	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.95	-5.03	-11.4	0	7.00	-7.00
Tiền đầu kỳ	38.0	35.8	20.0	22.0	35.0	25.6
Lưu chuyển tiền thuần	-2.14	-16.0	2.04	13.0	-9.41	-0.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.17	0	0.02	0	0.17
Tiền cuối kỳ	35.8	20.0	22.0	35.0	25.6	25.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	126	124	1.5%
Tài sản ngắn hạn	84.2	77.4	8.7%
Tiền và tương đương tiền	25.3	35.0	-27.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	55.3	37.9	45.8%
Hàng tồn kho	2.05	3.09	-33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	1.38	13.4%
Tài sản dài hạn	42.1	47.0	-10.3%
Phải thu dài hạn	0.48	0.48	0.0%
Tài sản cố định	39.8	44.4	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.26	0.26	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.54	1.77	-13.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	33.7	36.5	-7.5%
Nợ ngắn hạn	33.7	36.5	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	21.6	-7.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	92.6	87.9	5.3%
Vốn chủ sở hữu	92.6	87.9	5.3%
Vốn điều lệ	50.3	33.5	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

